

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **461/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/12/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Văn Chánh.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2329/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Bảo V, sinh năm 1987.

HKTT: Số C đường L, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số H khu dân cư T, tổ C, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1988.

HKTT: Số C, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số H khu dân cư T, tổ C, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà V, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Bảo V trình bày:

Bà và ông Hoàng Minh T kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không được. Hiện bà và ông T đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị giải quyết được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 07/10/2019. Khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, bị đơn ông Hoàng Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Bảo V kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do ông T thiếu kiểm chế dẫn đến vợ chồng cãi vã. Nay bà V xin ly hôn thì ông không đồng ý do ông muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 07/10/2019. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Bảo V. Bà V được ly hôn với ông Hoàng Minh T.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 07/10/2019 cho bà Nguyễn Bảo V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà V, ông T phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Bảo V và ông Hoàng Minh T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bảo V và ông Hoàng Minh T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của bà V, ông T là hợp pháp. Nay bà V xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà V: Bà V xin ly hôn với ông T với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không thể hàn gắn.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Bảo V và ông Hoàng Minh T khi ông bà sống chung tại phường T, thành phố B. Đại diện chính quyền địa phương cho biết bà V, ông T chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết do các đương sự không báo chính quyền địa phương. Quá trình hòa giải, ông T không đồng ý ly hôn do ông muốn hai vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa bà V, ông T nhưng bà V vẫn kiên quyết ly hôn, cho thấy bà V không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà U, ông L là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ cả hai bên cùng vun đắp, khi

một bên đã không còn tình cảm thì có nín giữ cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Bảo V được ly hôn ông Hoàng Minh T.

[4] Về con chung: Bà V, ông T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 07/10/2019. Ly hôn, bà V đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng. Ông T trình bày, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông cũng đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà V, ông T, về việc giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

[5] Về tài sản chung: Bà V, ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà V, ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Bảo V phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Hoàng Minh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 235, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Bảo V. Bà Nguyễn Bảo V được ly hôn với ông Hoàng Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 07/10/2019 cho bà Nguyễn Bảo V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hoàng Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi

người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Bảo V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 04228 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ông Hoàng Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (4)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy

